

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 1270/QĐ-TTg
ngày 27/7/2011 của Thủ tướng chính phủ

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Căn cứ Văn bản số 1721/BVHTTDL-VHDT ngày 25/5/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”; Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo:

Thực hiện Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã tham mưu cho Tỉnh ủy Ban hành Đề án số 13 về “Phát triển thiết chế văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015” và Đề án số 8 “Phát triển văn hóa, thể thao tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020”, đồng thời ban hành kế hoạch chỉ đạo các sở, ngành chức năng đã tích cực phối hợp với các địa phương tiến hành triển khai thực hiện.

Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện được tiến hành thường xuyên, có nhiều đổi mới, hiệu quả rõ nét. Các nhiệm vụ của Đề án được quan tâm đầu tư, triển khai thực hiện và đạt kết quả cao, các chỉ tiêu của Đề án đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức đề ra. Nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh về vai trò, tầm quan trọng của việc bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc của tỉnh được nâng cao.

2. Kết quả đạt được:

2.1. Công tác bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể:

Giai đoạn 2011 - 2015:

Công tác trùng tu tôn tạo: Sau 05 năm thực hiện Đề án số 13, thực hiện trùng tu, tôn tạo 05 di tích lịch sử văn hóa gồm: Đền Trung Đô xã Bảo Nhai (huyện Bắc Hà), Đền Bảo Hà (huyện Bảo Yên), Đền Mẫu Sơn (huyện Sa Pa), Đền Chiềng Ken (huyện Văn Bàn), di tích chiến thắng Đồn Phố Lu (huyện Bảo Thắng). Công tác trùng tu, tôn tạo đảm bảo yêu cầu về cảnh quan, sinh thái. Công tác tuyên truyền, quảng bá giá trị di tích sau khi trùng tu, tôn tạo được quan tâm thực hiện triển khai phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Qua đó góp phần vào quá trình thu hút du khách đến với các di tích, nhiều di tích lịch sử văn hóa đã trở thành các sản phẩm du lịch văn hóa, tâm linh đặc sắc của tỉnh.

Công tác lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích: Xây dựng và hoàn thiện 6 hồ sơ, trong đó có 5 hồ sơ di tích xếp hạng cấp quốc gia và 01 hồ sơ di tích xếp hạng cấp tỉnh (*có danh sách kèm theo- phụ biểu 1*).

Sưu tầm hơn 300 hiện vật gồm các di vật, hiện vật về lịch sử, trang phục, đồ trang sức truyền thống, công cụ sản xuất, nhạc cụ và công cụ trong hoạt động tín ngưỡng của các người Bô Y, Pa Dí, Xá Phó, La Chí, Hà Nhì... phục vụ cho nhiệm vụ bảo vệ và trưng bày, quảng bá về lịch sử, văn hóa, tự nhiên tại Bảo tàng tỉnh.

Giai đoạn 2016-2020:

Công tác tu bổ, tôn tạo: Hoàn thành tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử văn hóa Đền Trung Đô, xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà; tu bổ di tích đền Mẫu Lào Cai, đền Mẫu Trịnh Tường (huyện Bát Xát), đền Nghĩa Đô, đền Long Khánh (huyện Bảo Yên), đền Mẫu Simaicai (huyện Si Ma Cai),...

Công tác lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích Xây dựng và hoàn thiện 18 hồ sơ, trong đó có 3 hồ sơ di tích xếp hạng cấp quốc gia và 15 hồ sơ di tích xếp hạng cấp tỉnh (*có danh sách kèm theo- phụ biểu 2*).

Đến năm 2020, toàn tỉnh có 48 di tích danh thắng, trong đó có 21 di tích danh thắng xếp hạng cấp quốc gia và 27 di tích danh thắng xếp hạng cấp tỉnh.

Công tác cấm môi giới bảo vệ di tích danh thắng: Hoàn thiện cấm mốc giới đối với 7 di tích danh thắng, gồm: Di tích danh thắng quốc gia Ruộng bậc thang Sa Pa; di tích danh thắng quốc gia núi Hàm Rồng (huyện Sa Pa); Di tích Đền Bảo Hà (huyện Bảo Yên); Đền Cô Tân An (huyện Văn Bàn); Đền Đồi Cô - Chùa Cam Lộ (thành phố Lào Cai); Đền Phúc Khánh, thị trấn Phố Ràng (huyện Bảo Yên); Đền Trung Đô, xã Bảo Nhai (huyện Bắc Hà); Di tích lịch sử văn hóa Đền Thượng, thành phố Lào Cai.

Công tác công nhận bảo vật quốc gia: Năm 2018, Trống đồng Pha Long được công nhận là bảo vật quốc gia (*theo Quyết định 1821/QĐ-TTg ngày 24/12/2018*). Đến 2020 đã hoàn thành sưu tầm trên 700 hiện vật gồm các cổ vật, hiện vật dân tộc học, hiện vật lịch sử đời sống, nâng tổng số tư liệu/hiện vật hiện có tại Bảo tàng tỉnh là 20.760 tư liệu/hiện vật.

2.2. Công tác bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể:

Giai đoạn 2011-2015:

Thực hiện Đề án số 13, tỉnh Lào Cai đã hoàn thành việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc tại 500 làng, bản (theo quy định tại Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/06/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), góp phần nhận diện các di sản văn hóa có giá trị để phục vụ cho việc lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và thế giới. Tỉnh Lào Cai đã hoàn thành việc lập hồ sơ của 16 di sản văn hóa phi vật thể trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào

Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, 01 hồ sơ được Unesco công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại là “Nghỉ lễ và trò chơi kéo co” (có danh sách kèm theo- phụ biểu 3).

Sưu tầm, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể nhóm các dân tộc thiểu số dưới 3.000 người đối với các nhóm có nguy cơ mai một cao, gồm các dân tộc: Bô Y, La Chí, Hà Nhì, Pa Dí, Phù Lá.

Xây dựng 04 chương trình nghệ thuật biểu diễn của Đoàn Nghệ thuật dân tộc tỉnh phục vụ nhân dân.

Giai đoạn 2016-2020:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thông qua các nghi lễ truyền thống như: Nghi lễ Quét làng đầu năm của người Xá Phó, Lễ Quét làng dân tộc Bô Y, Lễ hội Xuống đồng của dân tộc Tày, Tết Com mới dân tộc Giáy, Lễ Cầu thọ “Ta pao phừ” của người Bô Y, Lễ hội cúng rừng của người Pa Dí (huyện Mường Khương); Lễ hội cúng rừng dân tộc Dao, Hà Nhì (huyện Bát Xát), Lễ Khoi Kim (cúng rừng) của người Dao đỏ tỉnh Lào Cai.

- Sưu tầm, bảo tồn văn hóa phi vật thể của các dân tộc có nguy cơ mai một cao như: Người Mông đen tỉnh Lào Cai; người Thu Lao, người Nùng Dín huyện Mường Khương; người Mông xanh (huyện Văn Bàn); Sưu tầm di sản phi vật thể người Dao họ tỉnh Lào Cai; Bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa của người Xá Phó huyện Sa Pa, nghệ thuật hát đồng dao của dân tộc Bô Y huyện Mường Khương, Hội Hát qua làng của người Dao tuyển huyện Bảo Thắng, nghệ thuật múa Khèn dân tộc Mông tỉnh Lào Cai.

- Hoàn thành Dự án thành phần trong đề án số 8 “*Bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017 - 2020*”. Với các hạng mục nội dung điều tra, thống kê, truyền dạy kỹ năng kỹ thuật tại cộng đồng, lựa chọn một số di sản để làm Video quảng bá như di sản lễ hội Gầu tào dân tộc Mông, nghi lễ cấp sắc người Dao, lễ hội Xuống đồng của người Tày, Giáy...

Lập hồ sơ khoa học và trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Lập hồ sơ 17 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia (có danh sách kèm theo- phụ biểu 4).

Như vậy, tính đến tháng 12 năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai có 33 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia của các dân tộc: Mông, Dao, Tày, Nùng, Giáy, Xá Phó, Hà Nhì, Bô Y, Pa Dí, Thu Lao... Trong đó, Lào Cai vinh dự có 02 di sản gồm: “Kéo co nghi lễ dân tộc Tày, Giáy” nằm trong hồ sơ liên quốc gia “Nghỉ lễ và trò chơi kéo co” (gồm 4 nước: Việt Nam, Campuchia, Philippines và Hàn Quốc) và hồ sơ “Nghỉ lễ Then dân tộc Tày” nằm trong Hồ sơ “Thực hành nghi lễ then Tày – Nùng – Thái” được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

2.3. Công tác bảo tồn tiếng nói, chữ viết các dân tộc:

Giai đoạn 2011-2015:

Việc bảo tồn tiếng nói, chữ viết các dân tộc được tỉnh quan tâm. Trong đó, các lớp học viết chữ của dân tộc Dao rất được địa phương và cộng đồng quan tâm. Thống kê trên địa bàn tỉnh có khoảng 20 lớp truyền dạy chữ Nôm Dao.

Giai đoạn 2016-2020:

Các lớp truyền dạy chữ Nôm Dao vẫn được duy trì tổ chức. Trên địa bàn tỉnh khoảng 25 lớp, trong đó tiêu biểu có lớp truyền dạy chữ Nôm Dao của nghệ nhân ưu tú Tần Văn Siêu, thôn Tả Chải, xã Tả Phìn, thị xã Sa Pa hàng năm truyền dạy cho hơn 30 học viên; lớp truyền dạy chữ Nôm Dao của ông Chảo Lão Sứ thôn Phìn Hồ, xã Tả Phời (thành phố Lào Cai)...

Dạy tiếng dân tộc theo hình thức truyền khẩu cho dân tộc dưới 10.000 người (theo Quyết định số 2086/QĐ-TTg)¹: Tổ chức 28 lớp dạy tiếng truyền khẩu, 1.392 học viên. Lớp dạy tiếng Bô Y: 04 lớp với 200 học viên. Lớp dạy tiếng Phù Lá (Xá Phó): 24 lớp với 1.192 học viên. Nội dung truyền dạy: Lịch sử người dân tộc Phù Lá (Xá Phó), dân tộc Bô Y; Gia đình dòng tộc; Quê hương làng bản; Đất nước Việt Nam; Chính sách pháp luật; Khoa học giáo dục; Văn hóa dân tộc...

2.4. Công tác quản lý, tổ chức và phục dựng lễ hội dân gian:

Giai đoạn 2011-2020:

Công tác quản lý, tổ chức và phục dựng lễ hội theo quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn, tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả; phù hợp với thuần phong mỹ tục, phát huy được giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc. Trên địa bàn tỉnh Lào Cai, hàng năm có gần 30 Lễ hội dân gian truyền thống của đồng bào các dân tộc, tiêu biểu như “Lễ hội Xuông đồng” của đồng bào dân tộc Giáy, Tày, Nùng, các lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc các dân tộc như: Lễ cấp sắc của người Dao; Lễ hội Gầu tào dân tộc Mông, huyện Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa và huyện Si Ma Cai; Lễ hội Pút Tông (tết nhảy) dân tộc Dao; Hội Hát giao duyên dân tộc Dao, hội Xòe dân tộc Tày - huyện Sa Pa; Lễ hội Nhảy lửa của người Dao đỏ huyện Bắc Hà, Lễ hội Khô già già (câu mùa) và cúng rừng Gạ Ma Do của người Hà Nhì; Lễ cúng rừng Khoi Kim của người Dao Đỏ ... Các lễ hội dân gian truyền thống thường được tổ chức liên tục từ mùng 3 Tết - 15 tháng Giêng, ngoài ra còn một số lễ hội tổ chức vào tháng 6 âm lịch tại các địa phương. Các lễ hội thực sự trở thành sân chơi cho bà con nhân dân các dân tộc, là nơi giao lưu văn hóa, học hỏi lẫn nhau về kinh nghiệm sản xuất, đồng thời tạo ra bầu không khí vui tươi, phấn khởi dịp đầu năm mới, cổ vũ động viên bà con các dân tộc hăng hái thi đua lao động sản xuất, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới...

Các lễ hội dân gian có nhiều hoạt động phong phú như: trưng bày, giới thiệu và bán các sản phẩm nông nghiệp, ẩm thực; tổ chức các hoạt động, các môn thể thao truyền thống (đánh quay, đánh yến, ném còn, đẩy gậy, kéo co, đi cà kheo...). Một số lễ hội còn giữ được nét nguyên sơ, độc đáo của đồng bào các dân tộc Mông, Dao, Tày, Giáy đã thu hút được đông đảo khách du lịch trong và

¹ Số liệu báo cáo do Ban dân tộc tỉnh Lào Cai cung cấp.

ngoài nước đến tham dự, khám phá nét văn hóa độc đáo của các dân tộc như lễ hội Nhảy lửa của người Dao đỏ huyện Bắc Hà, lễ hội Gầu Tào của người Mông ở huyện Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai... Các lễ hội dân gian đã thể hiện rõ những giá trị văn hóa bền vững trong quá trình khôi phục và tổ chức, phù hợp với truyền thống của địa phương, dân tộc. Gắn kết được các hoạt động văn hóa với quảng bá du lịch, giới thiệu hình ảnh đất nước, con người Việt Nam nói chung và của Lào Cai nói riêng, góp phần giáo dục đạo lý uống nước nhớ nguồn, tạo sự gắn kết cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Từ năm 2011 - 2020, tiến hành tổ chức phục dựng được một số lễ hội, hội cụ thể như sau: Lễ hội Rooóng Poọc dân tộc Giáy xã Tả Van, Sa Pa (2013); Lễ hội Côm dân tộc Tày xã Việt Tiến, huyện Bảo Yên (2014); Tết 8/4 (Tết Sủ dề pà) của người Bô Y huyện Mường Khương (2014); Lễ cúng rừng dân tộc Nùng (xã Lũng Khấu Nhìn, huyện Mường Khương (2015); Lễ đuổi ma quét làng của người Xá Phó xã Nậm Sài, huyện Sa Pa (2017); Hội hát qua làng người Dao tuyển (2018); Phục dựng Tết cơm mới người Xá Phó (2018); Lễ cầu thọ (Ta pao phù) của người Bô Y, huyện Mường Khương (2019); Lễ cúng rừng Ấy lay của người Dao Họ (2020). Khi các lễ hội được phục dựng, hàng năm đông đảo người dân tích cực tham gia nhiệt tình, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống, quảng bá hình ảnh thông qua các hoạt động nghi lễ, trò chơi, sinh hoạt văn hóa trong lễ hội.

2.5. Công tác đào tạo nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số²:

Trong 10 năm (2011 - 2020), tỉnh Lào Cai đã tuyển dụng 4.556 viên chức, trong đó 2.714 viên chức là người DTTS, chiếm tỷ lệ 59,56%. Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cụ thể như sau:

2.5.1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức DTTS cấp tỉnh, cấp huyện:

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: 204 người, trong đó cử đi đào tạo trình độ cao đẳng, đại học: 140 người, chiếm 16% tổng số CCVC được đào tạo; Đào tạo sau đại học: 64 người, chiếm 12% tổng số CCVC được đào tạo (Tiền sỹ: 01 người; Thạc sỹ: 25 người; Chuyên khoa I: 6 người).

- Bồi dưỡng ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức:

+ Bồi dưỡng QLNN ngạch chuyên viên, chuyên viên chính: 302 người, chiếm 12% tổng số người được bồi dưỡng (trong đó, ngạch chuyên viên 246 người, ngạch chuyên viên chính 56 người).

+ Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức: 1.240 người, chiếm 15% tổng số người được bồi dưỡng (giáo viên MN và GV phổ thông).

- Bồi dưỡng kiến thức lãnh đạo, quản lý theo chức danh: Bồi dưỡng Lãnh đạo cấp Sở 105 người; bồi dưỡng lãnh đạo cấp huyện 15 người; bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng 869 người.

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo vị trí việc làm, phương pháp thực thi công vụ. Kết quả 10 năm qua (2011 - 2020) đã bồi dưỡng được

² Số liệu Báo cáo của Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai (báo cáo tháng 6/2021).

trên 16.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện là người DTTS; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức DTTS thực hiện quy định về bồi dưỡng tối thiểu bắt buộc hàng năm đạt trên 80%.

2.5.2. Đối với cán bộ, công chức DTTS cấp xã:

- Đào tạo trình độ chuyên môn đạt chuẩn, trên chuẩn cho đội ngũ CBCC cấp xã: 2.258 người, chiếm 68% CBCC cấp xã được đào tạo (trong đó: trung cấp 1.164 người, cao đẳng, đại học 1.094 người).

- Bồi dưỡng kiến thức kỹ năng: UBND tỉnh Lào Cai đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CBCC cấp xã theo các Chương trình, tài liệu bồi dưỡng do Bộ Nội vụ phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, ban hành. Ngoài ra, hàng năm, các sở, ban, ngành tỉnh còn tổ chức các khóa bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên ngành cho CBCC cấp xã. Tổng số lượt CBCC cấp xã người DTTS được bồi dưỡng trong 10 năm đạt 10.700 lượt người (chiếm 67% số lượt CBCC cấp xã tham gia bồi dưỡng).

2.5.3. Thực hiện công tác đào tạo cử tuyển tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số:

- Cử đi đào tạo: Từ năm 2011 - 2020 tỉnh Lào Cai Quyết định cử 203 học sinh, sinh viên đi đào tạo theo chế độ cử tuyển trình độ đại học.

- Tổng số sinh viên tốt nghiệp ra trường: Trong 10 năm 2011 - 2020 tỉnh Lào Cai đã có 208 sinh viên tốt nghiệp ra trường.

+ Trong số các sinh viên tốt nghiệp ra trường đã bố trí công tác (làm CBCCVC các cấp) được 132 sinh viên, đạt tỷ lệ 63,46%.

+ Số sinh viên chưa bố trí làm việc trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị của tỉnh là 76 người, chiếm 36,54%; do không có biên chế hoặc tham gia dự thi tuyển, xét tuyển chưa đạt.

2.6. Công tác tổ chức các hoạt động văn hóa truyền thống, giao lưu văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

Giai đoạn 2011-2015:

Xây dựng 02 chương trình nghệ thuật mang bản sắc văn hóa dân tộc, quay phim, in thành đĩa cung cấp cho các nhà văn hóa xã và thôn bản. Sản xuất và cung cấp cho cơ sở 2.280 đĩa VCD tuyên truyền và 10.032 ấn phẩm văn hoá các loại. Trung bình mỗi năm các đội thông tin lưu động đã tổ chức 630 buổi tuyên truyền lưu động; các đội chiếu bóng lưu động đã chiếu phim phục vụ kết hợp với tuyên truyền 682 buổi; Đoàn nghệ thuật dân tộc tỉnh biểu diễn 80 buổi/năm phục vụ nhân dân các dân tộc trong tỉnh, trong đó 80% số buổi là phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa.

Định kỳ 2 năm một lần Tổ chức Liên hoan đưa thông tin về cơ với chủ đề tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính, phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống ma túy, phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới.

Phát triển văn nghệ quần chúng, đẩy mạnh tổ chức các hoạt động văn hóa ở cơ sở: Tổ chức tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho 622 lượt cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở.

Các huyện, thành phố lần lượt tổ chức Hội diễn nghệ thuật quần chúng ở cơ sở. Tổ chức thành công Hội diễn nghệ thuật quần chúng cấp tỉnh định kỳ 02 năm một lần. Qua các kỳ Hội diễn đánh giá được kết quả phát triển của phong trào văn hóa văn nghệ trong quần chúng nhân dân, đồng thời phát huy vai trò tuyên truyền đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc Lào Cai.

Giai đoạn 2016-2020:

Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, trọng tâm là xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng, lập danh sách đội văn nghệ tiêu biểu thôn, bản thuộc các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới, xã phục vụ hoạt động du lịch, các đội văn nghệ giữ gìn và phát huy bản sắc các dân tộc có nguy cơ mai một cao để trình ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động khi chính sách được phê duyệt. Giai đoạn 2016 - 2020, đã xây dựng được 15 đội văn nghệ thôn, bản từ nguồn ngân sách tỉnh làm mô hình thí điểm để triển khai nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo trên địa bàn toàn tỉnh.

- Triển khai bồi dưỡng nâng cao nhận thức và nghiệp vụ cho 240 lượt người làm công tác chỉ đạo, quản lý văn hóa văn nghệ của tỉnh; tập huấn nghiệp vụ cho 400 lượt cán bộ văn hóa xã, trưởng thôn, bản, người quản lý nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố.

Thông qua tổng hợp số liệu báo cáo từ cấp cơ sở, hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 1.200 đội văn nghệ, trong đó có 750 đội văn nghệ hoạt động thường xuyên, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2.7. Công tác xây dựng các thiết chế văn hóa:

Giai đoạn 2011-2015:

- Công trình thiết chế văn hóa cấp tỉnh: Nhà văn hóa đa năng của tỉnh với tổng diện tích công trình 14,436 m². Các hạng mục công trình gồm: Khối nhà hát, rạp chiếu phim và khối nhà dịch vụ, khối thư viện và các hạng mục phụ trợ. Công trình hoàn thành vào năm 2015.

Thực hiện đầu tư trang thiết bị cho Thư viện điện tử thuộc Thư viện tỉnh Lào Cai. Các nội dung của Đề án về cấp trang thiết bị cho đội thông tin lưu động tỉnh và máy chiếu 100 inch cho Đội chiếu bóng lưu động tỉnh. Về đầu tư trang thiết bị cho Đội chiếu bóng lưu động và Đội thông tin lưu động (nay là Đội tuyên truyền lưu động) thuộc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao các huyện, thành phố. Đến hết năm 2015, đã thực hiện đầu tư thiết bị cho 9/9 Đội tuyên truyền lưu động cấp huyện.

Qua 05 năm thực hiện Đề án, đã tiến hành xây dựng 48 nhà văn hóa xã và Hội trường kiêm nhà văn hóa xã, nâng tổng số nhà văn hóa cấp xã toàn tỉnh lên 68 nhà; xây dựng 472 nhà văn hóa thôn bản, tổ dân phố; đầu tư thiết bị cho 33 nhà văn hoá xã và 369 nhà văn hóa, thôn bản, tổ dân phố.

Giai đoạn 2016-2020:

- Đưa vào khai thác, sử dụng các công trình văn hóa quy mô lớn và hiện đại³. Đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại (*thiết bị âm thanh, ánh sáng sân khấu...*) cho Đoàn Nghệ thuật dân tộc tỉnh. Năm 2019, đầu tư hệ thống trang thiết bị âm thanh, ánh sáng hiện đại cho Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh từ nguồn ngân sách tỉnh. Đầu tư thiết bị chiếu phim kỹ thuật số cho Đội chiếu phim lưu động thuộc Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh tỉnh theo nguồn kinh phí Đề án phê duyệt tại Quyết định 586/QĐ-TTg ngày 03/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Từ 2016 - 2020, đã hỗ trợ trang thiết bị cho 73 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 821 nhà văn hóa thôn, bản thuộc các xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Hiện nay đang tiếp tục hỗ trợ trang thiết bị cho 30 nhà văn hóa xã, 300 nhà văn hóa thôn, bản trên địa bàn toàn tỉnh.

- Giai đoạn 2016 - 2020, triển khai đầu tư vốn xây dựng, sửa chữa 69 công trình văn hóa cấp huyện, trong đó gồm cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thị xã Sa Pa, xây dựng nhà văn hóa huyện Si Ma Cai. Đầu tư 67 công trình hội trường kết hợp nhà văn hóa. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp trên 600 nhà văn hóa thôn trên địa bàn toàn tỉnh, định mức hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết 35/2015/NQ-HĐN và Nghị quyết 22/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Kinh phí huy động đầu tư xây dựng cơ sở vật chất văn hóa cấp huyện, xã trên địa bàn toàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 đạt trên 190 tỷ đồng.

Sau 5 năm triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng nhà văn hoá cộng đồng, cùng với nguồn ngân sách địa phương đã huy động nhân dân đóng góp và hiến hàng nghìn mét vuông đất xây dựng 602 nhà văn hóa khu dân cư trên địa bàn tỉnh góp phần quan trọng thực hiện xây dựng đời sống văn hoá cơ sở. Đến nay, toàn tỉnh có 129/152 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa, 115/152 xã, phường, thị trấn có khu thể thao đạt chuẩn, 1.515 thôn bản, tổ dân phố có nhà văn hóa. Giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã đưa vào khai thác, sử dụng nhiều công trình văn hóa quy mô lớn và hiện đại như: Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh, Bảo tàng tỉnh... Đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại cho Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh.

Tính đến nay, Lào Cai có 01 Thư viện cấp tỉnh, 01 Bảo tàng cấp tỉnh, 09 Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Truyền thông cấp huyện, thị xã, thành phố, 09 thư viện cấp huyện, thị xã, thành phố (thuộc Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Truyền thông cấp huyện, thị xã, thành phố), 02 Nhà thiếu nhi cấp huyện, 02 nhà văn hóa khu công nghiệp. Ngoài ra, còn có hệ thống thiết chế văn hóa thuộc các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể quản lý, vận hành như: Quân đội, Công an, trường học... chủ yếu phục vụ các sinh hoạt văn hóa, luyện tập thể thao của Công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị. Các thiết chế văn hoá được khai thác và sử dụng có hiệu quả; ngoài việc họp thôn, tổ, phổ biến đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

3. Đánh giá chung:

³ Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh, Nhà Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Thông tin - Triển lãm tỉnh nhân kỷ niệm 25 năm Ngày tái lập tỉnh Lào Cai và 110 năm Ngày thành lập tỉnh Lào Cai.

3.1. Thuận lợi:

- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo sát sao, linh hoạt đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tại các địa phương trong tỉnh đã có sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện sáng tạo, đa dạng, lồng ghép nhiều chương trình, dự án để phát triển văn hóa.

- Hệ thống thiết chế văn hóa từ cấp tỉnh đến cơ sở được quan tâm đầu tư, đưa vào khai thác, sử dụng đã tạo điều kiện cho việc triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động, các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch lớn quy mô khu vực, toàn quốc và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Đề án được các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tích cực phối hợp triển khai, lồng ghép, bố trí các nguồn vốn thực hiện.

- Sự hợp tác, giao lưu văn hóa các dân tộc với các địa phương trong nước và quốc tế ngày càng được mở rộng đã tạo điều kiện cho việc tiếp thu những giá trị văn hóa tiên tiến, những kiến thức, kỹ năng cho phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số, đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh văn hóa các dân tộc thiểu số ở Lào Cai.

3.2. Khó khăn, hạn chế:

- Lào Cai vẫn thuộc diện tỉnh nghèo so với mặt bằng chung của cả nước, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, trình độ dân trí không đồng đều. Ở những vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, một bộ phận còn lạc hậu, trình độ dân trí thấp nên việc tiếp cận và thực hiện các quy định, chính sách của nhà nước còn hạn chế; việc tuyên truyền, triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn.

- Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền địa phương, nhất là của người đứng đầu các cấp về vai trò, tầm quan trọng của phát triển văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế dẫn đến việc triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Công tác chỉ đạo, điều hành việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa còn chưa toàn diện, chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát.

- Trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao cấp huyện và cơ sở chưa đồng đều, còn hạn chế trong công tác tham mưu, quản lý, triển khai tổ chức các phong trào, hoạt động phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Nguồn nhân lực tham gia phát triển văn hóa, thể thao cơ sở còn hạn chế về cả số lượng và chất lượng.

- Chịu tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, đặc biệt là sự du nhập của làn sóng văn hóa thực dụng thông qua Internet, phim ảnh, khách du lịch, sự phá hoại của các thế lực thù địch, tác động của sản phẩm văn hóa độc hại, v.v... đã tạo ra không ít khó khăn trong việc bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống. Nhiều sinh hoạt văn hóa, từ lễ hội đến biểu diễn nghệ thuật, tiềm ẩn nguy cơ thương mại hóa, không giữ được nét văn hóa truyền thống đặc trưng; các loại hình ca nhạc, nghệ thuật nước ngoài du nhập ngày càng nhiều,

tạo sức hút đối với phần lớn thanh niên trong khi các loại hình nghệ thuật dân tộc truyền thống ngày càng khó chiếm ưu thế, cần được tích cực đầu tư hơn nữa.

- Công tác sưu tầm, bảo tồn các di sản văn hóa, các môn thể thao dân tộc còn nhỏ lẻ, chưa theo kịp sự biến đổi của văn hóa. Văn hóa ngoại nhập tác động mạnh mẽ dẫn đến một số di sản, nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc thiếu số có nguy cơ mai một cao, một số nghệ nhân cao tuổi mất đi chưa kịp truyền lại những si dản văn hóa mà họ nắm giữ cho thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, những biến đổi trong nếp sống, sinh hoạt của người dân đã tác động tiêu cực đến việc lưu giữ các di sản văn hóa, các môn thể thao dân tộc.

- Tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số diễn biến khá phức tạp.

- Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của các tầng lớp nhân dân trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, đặc biệt là lễ hội. Các thiết chế văn hóa, nhất là nhà văn hóa, nơi vui chơi giải trí còn thiếu hoặc chưa được khai thác một cách hợp lý, mang lại hiệu quả. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên nhiều lễ hội dân gian các dân tộc không được tổ chức, hoạt động chung của các di tích cũng bị hạn chế. Việc huy động xã hội hóa trong xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, thể thao cơ sở ngày càng khó khăn.

- Điều kiện tổ chức các hoạt động văn hóa phục vụ cơ sở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn; chưa có chính sách hỗ trợ cho hoạt động đội văn nghệ thôn bản; trang thiết bị đầu tư cho hệ thống nhà văn hóa xã, thôn, bản đã được quan tâm đầu tư song chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Công tác chỉ đạo, điều hành việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án còn chưa toàn diện, chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát.

- Việc phối hợp giữa các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chưa được chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án, dẫn đến việc thực hiện một số chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án gặp khó khăn.

- Trình độ, năng lực của một số cán bộ văn hóa ở cơ sở còn hạn chế, chưa thực sự chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác văn hóa nói chung và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án nói riêng.

** Nguyên nhân khách quan:*

- Việc suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát, giá cả nguyên vật liệu và hàng tiêu dùng tăng cao, đã tác động xấu đến việc thực hiện Đề án. Điều kiện khó khăn về kinh tế, nên việc huy động nguồn kinh phí còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

- Nguồn lực đầu tư của Nhà nước xây dựng thiết chế văn hóa và huy động xã hội hóa còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu. Các doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, việc thực hiện chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa còn nhiều hạn chế, chưa huy động được mọi nguồn lực trong xã hội cho các hoạt động văn hoá.

- Tốc độ biến đổi của di sản văn hóa các dân tộc diễn ra nhanh chóng, công tác sưu tầm, bảo tồn chưa theo kịp dẫn đến một số di sản có nguy cơ mai một cao, một số nghệ nhân cao tuổi mất đi chưa kịp truyền lại cho thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, những biến đổi trong nếp sống, sinh hoạt của người dân đã tác động tiêu cực đến việc lưu giữ các di sản văn hóa các dân tộc thiểu số.

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thật sự quan tâm công tác bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc. Quá trình đô thị hóa cũng làm mất dần những ngôi nhà sàn, nhà đất truyền thống của đồng bào dân tộc...

- Nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa, xã hội để đầu tư xây dựng các công trình văn hóa – thể thao cấp huyện, cơ sở và tổ chức các hoạt động còn hạn chế.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, việc chủ động trong tiếp thu, kế thừa các kinh nghiệm, kết quả trong triển khai các về phát triển văn hóa đã giúp cho việc xây dựng và triển khai các chương trình, đề án giai đoạn 2011-2020 đi đúng hướng, đảm bảo hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Hai là, sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng và triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ Đề án của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh thông qua các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết, quy hoạch, kế hoạch và hệ thống văn bản chỉ đạo đã góp phần nâng cao nhận thức đối với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương; tạo động lực cho việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ so với tiến độ của chương trình, đề án thành phần. Cần có sự đồng thuận và nâng cao nhận thức về lĩnh vực văn hóa được trong các cơ quan, đơn vị và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số đặc biệt là dân tộc thiểu số dưới 10.000 người được các cấp, ngành và cả hệ thống chính trị vào cuộc, chủ động lãnh đạo, điều hành thực hiện mục tiêu của Đề án tại các địa phương.

Ba là, sự chủ động của cơ quan tham mưu chủ trì xây dựng các đề án thành phần và các cơ quan liên quan trong việc huy động, bố trí, lồng ghép nguồn vốn để triển khai thực hiện. Đây là giai đoạn cơ sở hạ tầng văn hóa, thể thao được đầu tư lớn nhất từ trước đến nay.

Bốn là, ưu tiên triển khai công tác bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia trên địa bàn tỉnh đã góp phần nâng cao nhận thức, sự chủ động của người dân trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể, tạo thuận lợi để các địa phương phát huy nội lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai.

Năm là, tăng cường đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý nhà văn hóa cộng đồng khu dân cư trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo nhiệm vụ của Đề án đã góp phần nâng cao hiệu quả các phong trào văn hóa, thể thao cơ sở cả về số lượng và chất lượng.

Sáu là, coi việc cải tạo tập tục lạc hậu trong lễ hội là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cần có sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy,

chính quyền, nhất là vai trò của người đứng đầu; sự vào cuộc của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; sự phối hợp trách nhiệm, thường xuyên của các ngành, các cấp và sự ủng hộ của người uy tín trong cộng đồng dân cư. Kết hợp hiệu quả việc tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc và khai thác di sản văn hóa phục vụ đời sống nhân dân, phát triển du lịch. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư, đóng góp của xã hội, tham gia của nhân dân trong việc xóa đói giảm nghèo, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa. Chú trọng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học chuyên sâu, mang tính ứng dụng cao về lĩnh vực văn hóa, lễ hội.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

1. Bố trí nguồn lực từ Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2021 - 2025 cho tỉnh Lào Cai trong công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa; phát triển các loại hình nghệ thuật biểu diễn phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

2. Sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội để các địa phương có căn cứ thực hiện.

3. Sửa đổi Thông tư 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” đảm bảo việc bình xét thống nhất, phù hợp với thực tiễn.

Trên đây là báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020” của UBND tỉnh Lào Cai; trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- CVP, PCVP2;
- Lưu: VT, BBT, VX3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung